

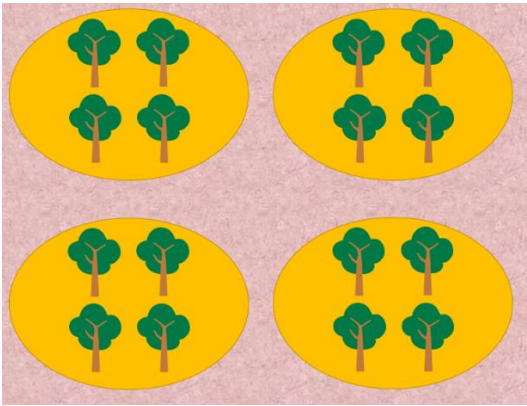
BÀI LUYỆN TẬP PHÉP CHIA

Câu 1: Điền dấu thích hợp vào ô trống: ($>$; $=$; $<$)

$$10 : 2 \square 6$$

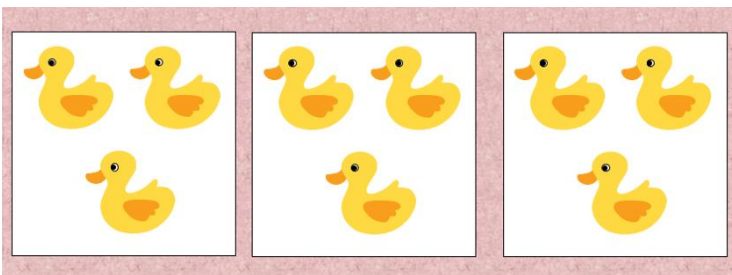
- A. $>$
- B. $=$
- C. $<$

Câu 2: Đánh dấu chọn vào phép nhân và phép chia tương ứng:



- A. $4 \times 4 = 16$
- B. $3 \times 4 = 12$
- C. $12 : 4 = 3$
- D. $12 : 4 = 4$
- E. $16 : 4 = 4$

Câu 3: Viết phép chia tương ứng:



- A. $3 \times 3 = 9$
- B. $9 : 3 = 3$
- C. $6 : 3 = 2$

Câu 4: Phép chia tương ứng của phép nhân: $3 \times 7 = 21$ là:

- A. $21 : 3 = 7$
- B. $21 : 7 = 3$
- C. Cả 2 đáp án đều đúng.
- D. Cả 2 đáp án đều sai.

Câu 5: Phép chia tương ứng của phép nhân $2 \times 10 = 20$ là:

- A. $20 : 2 = 10$
- B. $20 : 5 = 4$
- C. $20 : 2 = 9$

Câu 6: Điền số thích hợp vào ô trống tương ứng: (từ trên xuống dưới)

10 : $\square = 5$

12 : $\square = 3$

12 : $\square = 6$

8 : $\square = 2$

- A. 2, 2, 4, 4
- B. 2, 4, 2, 4
- C. 4, 2, 2, 4

Câu 7: Điền dấu thích hợp vào ô trống: ($>$, $=$, $<$)

14 : 2 $\square$ 7 : 1

- A. $>$
- B. $=$
- C. $<$

Câu 8: 15 quả cam chia đều cho 5 bạn, muốn biết mỗi bạn được bao nhiêu quả cam ta làm phép tính:

- A. $15 : 5 = 3$ (quả cam)
- B. $15 : 3 = 5$ (quả cam)
- C. Cả 2 đáp án đều đúng

Câu 9*: Viết phép chia tương ứng với hình bên dưới. (tự luận)

